TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HSST
Ngày: 30-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lò Văn Ngắm**
2. Ông **Trần Văn Thanh**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Lục** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà: Ông **Ngô Hoài Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử trực tuyến (*Điểm cầu trung tâm tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng; Điểm cầu thành phần, 01 điểm cầu tại trụ sở Công an huyện Mường Ảng)* công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS, ngày 20/3/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn T;** Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1964 tại huyện TC, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã AT, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Quàng Văn H, sinh năm 1933 và bà Lò Thị C, sinh năm 1935. Gia đình bị cáo có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Quàng Thị C, sinh năm 1965 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án; tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Hà Thị Thuận** - trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Quàng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 03/01/2023, Quàng Văn T đi bộ từ nhà lên khu vực lán ao của gia đình thuộc Bản T, xã AT, huyện MA. Trên đường đi Quàng Văn T gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen

biết 01 gói Heroine được gói bằng mảnh giấy bạc màu trắng với giá 50.000 đồng, mục đích để sử dụng. Mua được ma túy Quàng Văn T cất giấu vào trong túi áo ngực bên trái đang mặc rồi đi lên lán ao của gia đình thuộc Bản T, xã AT. Đến lán ao Quàng Văn T bỏ gói Heroine ra cấu một ít sử dụng bằng hình thức đốt hít, sau khi sử dụng xong Quàng Văn T gói số Heroine còn lại cất giấu ở dưới đệm giường ngủ của Quàng Văn T. Hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày khi Quàng Văn T đang ở trong lán ao của gia đình thì bị tổ công tác đội CSĐT tội phạm về Hình sự, Kinh tế, Ma túy Công an huyện Mường Ảng vào lán để kiểm tra, qua kiểm tra tổ công tác phát hiện thu giữ dưới đệm giường ngủ của Quàng Văn T 01 gói Heroine được gói bằng mảnh giấy bạc màu trắng có khối lượng 0,13 gam. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong và thu giữ vật chứng.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 03/01/2023 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 138/KL-KTHS, ngày 10/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Quàng Văn T là 0,13 gam.

- Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSMA ngày 13/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Quàng Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Quàng Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xử phạt Quàng Văn T từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về vật chứng**: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 0,08 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định, 01 mảnh giấy bạc màu trắng.

*** Án phí**: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T, nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt

xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Quàng Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Quàng Văn T đã khai và công nhận: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 03/01/2023 tại Bản T, xã AT, huyện MA, tỉnh Điện Biên bị cáo bị bắt vì đang tàng trữ trái phép 0,13 gam Heroine, mục đích của bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 09/CT-VKS-MA, ngày 13/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ trái phép 0,13 gam Heroine đủ định lượng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Heroine...,Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam".

[**2**] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[**3**] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[**4**] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo*: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện TC, tỉnh Sơn La được bố mẹ nuôi lớn lên và không được đi học, ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 1982 xây dựng gia đình với chị Quàng Thị C, năm 1997 chuyển lên sinh sống tại Bản T, xã AT, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức để thỏa mãn nhu cầu xấu của cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo với nghề nghiệp làm nông nghiệp, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[**5**] *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Đối với người đàn ông dân tộc Mông bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 03/01/2023, do bị cáo không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu, Cơ quan CSĐT không có đủ cơ sở xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[**6**] *Về vật chứng*: Căn cứ Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 0,08 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định, 01 mảnh giấy bạc màu trắng.

[**7**] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

[**8**] Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[**9**] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[**10**] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Quàng Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 03/01/2023)

2. Vật chứng*:* Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định; 01 mảnh giấy bạc màu trắng. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 13/3/2023).*

3. Án phí*:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Quàng Văn T.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/3/2023).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- Công an h.Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương